

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/2009/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH
Về hoạt động đối ngoại biên phòng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng ngày 28 tháng 3 năm 1997;

Căn cứ Hiệp định về Quy chế biên giới Việt Nam đã ký kết với các nước láng giềng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về nội dung, hình thức, biện pháp, trách nhiệm quản lý nhà nước, bảo đảm ngân sách hoạt động đối ngoại biên phòng.

2. Hoạt động đối ngoại quân sự không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
2. Ủy ban nhân dân các cấp có đường biên giới trên đất liền.
3. Bộ đội Biên phòng.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động đối ngoại biên phòng

1. Giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; bình đẳng, hữu nghị và cùng có lợi.
2. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và tập quán quốc tế.
3. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoạt động theo phương châm vừa hợp tác vừa đấu tranh góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng và an ninh.
4. Trong quan hệ đối ngoại phải bảo đảm an toàn nội bộ, giữ nghiêm kỷ luật, thận trọng, chặt chẽ theo đúng nội dung, chương trình kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 4. Nội dung hoạt động đối ngoại biên phòng

1. Thực hiện và tham gia đàm phán, trao đổi, hội đàm định kỳ hoặc đột xuất với các cơ quan hữu quan tương ứng của nước láng giềng về tình hình thực hiện Hiệp định về Quy chế biên giới, các Thoả thuận về công tác biên phòng; hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới, tình hình an ninh, trật tự; phòng chống thiên tai, dịch bệnh... ở khu vực biên giới, cửa khẩu và giải quyết các vụ việc liên quan đến hai bên biên giới thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và tập quán quốc tế.
2. Phối hợp với lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng trong quản lý, bảo vệ biên giới và hệ thống mốc quốc giới, giữ gìn an ninh, trật tự khu vực biên giới, cửa khẩu; kịp thời phát hiện, giải quyết có hiệu quả hoạt động xâm canh, xâm cư, vượt biên trái phép, ngăn chặn, đấu tranh chống buôn lậu, mua bán, vận chuyển trái phép hàng cấm, chất ma túy, cướp, buôn bán người qua biên giới, hoạt động rửa tiền, khủng bố, các tội phạm khác và các hoạt động tuyên truyền kích động gây rối an ninh, chia rẽ quan hệ hữu nghị, đoàn kết giữa chính quyền và nhân dân hai bên biên giới.
3. Trao trả, tiếp nhận người, tang vật, phương tiện vi phạm Hiệp định về Quy chế biên giới.
4. Tiếp xúc, gặp gỡ nhân viên, cán bộ của lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng hoặc thăm viếng xã giao theo quy định.
5. Thực hiện các hoạt động đối ngoại biên phòng khác.

Điều 5. Chế độ bảo mật trong hoạt động đối ngoại biên phòng

1. Tuyệt đối giữ bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng, an ninh khi thực hiện hoạt động đối ngoại biên phòng. Nghiêm cấm mọi quan hệ trái phép, phát ngôn làm lộ bí mật nhà nước, làm phương hại đến quốc phòng, an ninh và quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng.

2. Việc sử dụng tài liệu, tư liệu, mẫu vật thuộc bí mật quân sự, bí mật nhà nước phục vụ cho việc trao đổi, làm việc phải chấp hành đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Không được lợi dụng quan hệ đối ngoại để buôn bán, trao đổi, tặng, biếu và nhận quà nhằm mục đích trục lợi.

Điều 6. Hoạt động lễ tân trong đối ngoại biên phòng

1. Nguyên tắc lễ tân

- a) Hữu nghị, chu đáo, lịch sự, an toàn;
- b) Tôn trọng, bình đẳng không phân biệt đối xử;
- c) Có đi có lại;
- d) Kết hợp pháp luật quốc tế với pháp luật quốc gia và truyền thống dân tộc.

2. Nội dung hoạt động lễ tân

- a) Đón khách;
- b) Bố trí xe đưa, đón; nơi ăn, nghỉ;
- c) Trang trí nơi làm việc;
- d) Vị trí ngồi làm việc, dự tiệc chiêu đãi;
- đ) Trang phục khi làm việc;
- e) Thủ tục ký kết văn bản;
- g) Trao tặng phẩm;
- h) Chụp ảnh;
- i) Tham quan;
- k) Tiễn khách.

Chương II
HÌNH THỨC, BIỆN PHÁP
HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI BIÊN PHÒNG

Điều 7. Hình thức hoạt động đối ngoại biên phòng

1. Quan hệ tiếp xúc trực tiếp thông qua hội đàm

a) Gặp gỡ, đàm phán được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Đàm phán việc thực hiện Điều ước quốc tế về biên giới quốc gia;
- Trao đổi, hội đàm định kỳ, đột xuất để phối hợp giải quyết các vụ việc xảy ra trên biên giới hoặc các vụ việc liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, cửa khẩu.

b) Gặp gỡ làm việc trên đường biên giới hoặc tại một địa điểm thích hợp để trao đổi tình hình thường xuyên hoặc đột xuất; phối hợp thực hiện những nội dung được quy định trong Hiệp định về Quy chế biên giới hoặc giải quyết vụ việc xảy ra ở khu vực biên giới, cửa khẩu;

c) Phối hợp thực hiện tuần tra song phương kiểm tra đường biên giới, mốc quốc giới theo kế hoạch hoặc đột xuất. Trao trả, tiếp nhận người, tang vật, phương tiện vi phạm Hiệp định về Quy chế biên giới;

Việc trao trả và tiếp nhận người vi phạm được thực hiện tại cửa khẩu biên giới hoặc địa điểm khác trên đường biên giới do hai bên thoả thuận;

d) Thư mời được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Mời Bạn hoặc Bạn mời sang làm việc nhằm trao đổi tình hình, giải quyết các vụ việc liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo phân cấp hoặc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

- Mời Bạn hoặc Bạn mời sang thăm xã giao chúc mừng nhân dịp ngày lễ, ngày tết, ngày truyền thống và các hoạt động khác.

2. Quan hệ tiếp xúc gián tiếp

a) Thư thông báo, trao đổi được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Tình hình liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; thực trạng đường biên giới, mốc quốc giới, việc thực hiện Hiệp định về Quy chế biên giới và các Điều ước quốc tế về biên giới liên quan; nội dung làm việc, hội đàm của các ngành chuyên môn ở địa phương theo kế hoạch thoả thuận;

- Thông báo cho nước láng giềng biết các vụ tai nạn, án mạng mà nạn nhân là người bên nước Bạn; thông báo trao trả những người vượt biên giới trái phép, những đối tượng bị ta bắt giữ xét thấy cần trao trả hoặc thông báo đối tượng bên ta đang truy tìm để phối hợp truy tìm, bắt giữ;

- Tình hình thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở khu vực biên giới;

- Thông báo các nội dung khác theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên trực tiếp;

- Thư thông báo được thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất thông qua phương tiện thông tin hoặc sĩ quan liên lạc và tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc để thực hiện cho phù hợp.

b) Thư phản kháng được thực hiện khi nước láng giềng có các hoạt động sau:

- Vi phạm chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới trên đất liền, trên biển, trên không và lòng đất; xê dịch, phá hoại mốc quốc giới, làm sai lệch, chệch hướng đi của đường biên giới quốc gia; làm thay đổi dòng chảy tự nhiên của sông, suối biên giới; xâm canh, xâm cư ở khu vực biên giới, xây dựng các công trình làm ảnh hưởng đến vị trí pháp lý đường biên giới và trái với Hiệp định về Quy chế biên giới;

- Che giấu, tiếp tay cho tội phạm, buôn bán vận chuyển trái phép vũ khí, chất nổ, chất độc hại, ma túy, buôn lậu, buôn bán người qua biên giới, rửa tiền, hoạt động khủng bố, đẩy người qua biên giới;

- Tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam; kích động chia rẽ quan hệ hữu nghị với Việt Nam; phá hoại hoà bình, ổn định ở khu vực biên giới với Việt Nam;

- Các hoạt động khác vi phạm Hiệp định về Quy chế biên giới.

3. Quan hệ tiếp xúc xã giao

Tổ chức đoàn sang thăm xã giao hoặc tiếp đón lực lượng chức năng nước láng giềng sang thăm nhân dịp ngày lễ, ngày tết, ngày truyền thống của hai bên; thăm hỏi, chia buồn khi có quốc tang, thiên tai, hoả hoạn hoặc tham gia các hoạt động khác.

Điều 8. Biện pháp hoạt động đối ngoại biên phòng

1. Khi thực hiện đối ngoại biên phòng phải chuẩn bị chu đáo về mọi mặt và tuân thủ các nguyên tắc về lễ tân ngoại giao, tổ chức đón, tiếp, làm việc và tiễn khách.

2. Trong quan hệ tiếp xúc, làm việc phải thực hiện đúng nội dung, kế hoạch, chương trình đã được phê duyệt; trường hợp có thay đổi so với chương trình, kế hoạch phải báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định; mọi hoạt động làm việc, tiếp xúc phải thực hiện thông qua phiên dịch.

3. Nội dung trao đổi, làm việc giữa hai bên phải được ghi đầy đủ, chi tiết vào biên bản. Biên bản phải lập bằng hai thứ tiếng, tiếng Việt Nam và tiếng nước láng giềng; trong trường hợp cần thiết có thể lập thành ba thứ tiếng (Việt Nam, tiếng nước láng giềng và tiếng Anh hoặc tiếng Pháp) có chữ ký của hai Trưởng đoàn.

Trường hợp có nội dung mới phát sinh hoặc vượt quá phạm vi thẩm quyền thì ghi nhận, báo cáo cấp trên xin ý kiến chỉ đạo; nếu bạn từ chối hoặc phủ nhận nội dung ta nêu ra thì ghi vào biên bản để bảo lưu ý kiến;

Sau khi làm việc phải có văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Căn cứ Hiệp định về Quy chế biên giới và thoả thuận của hai bên để xác định cấp quan hệ, thành phần gặp gỡ, trao đổi, hội đàm và giải quyết những vấn đề có liên quan đến hai bên biên giới cho phù hợp.

Chương III **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC** **VỀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI BIÊN PHÒNG**

Điều 9. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại biên phòng.
2. Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hoạt động đối ngoại biên phòng theo phân cấp và quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động đối ngoại biên phòng theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao.

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia. Phối hợp với Bộ Ngoại giao đề xuất chủ trương, chính sách về hoạt động đối ngoại biên phòng và tham gia các đoàn đàm phán giải quyết các vấn đề về biên giới lãnh thổ; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và tổ chức quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thuộc thẩm quyền.

2. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại biên phòng và phối hợp với Bộ Ngoại giao chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan liên quan về nghiệp vụ hoạt động đối ngoại biên phòng.

3. Ký kết thoả thuận hợp tác biên phòng với Bộ Quốc phòng (Bộ, ngành liên quan) nước láng giềng về những vấn đề liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, cửa khẩu của hai nước theo quy định của pháp luật.

4. Hợp tác quốc tế về công tác biên phòng và tiến hành hoạt động đối ngoại biên phòng để phối hợp quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn Bộ đội Biên phòng thực hiện nhiệm vụ đối ngoại biên phòng và giải quyết công việc liên quan đến hai bên biên giới theo thẩm quyền. Định kỳ tổ chức sơ, tổng kết thực hiện công tác đối ngoại biên phòng.

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Cung cấp thông tin liên quan đến đối ngoại biên phòng (chủ trương, chính sách của nhà nước về đối ngoại, giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ với các nước láng giềng; tình hình quan hệ giữa ta và các nước bạn, thực trạng các vấn đề biên giới và lãnh thổ...) nhằm tạo điều kiện cho việc hoạch định các hoạt động đối ngoại biên phòng.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng trong việc chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ đội Biên phòng trong thực hiện hoạt động đối ngoại biên phòng.

3. Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, Điều ước quốc tế về biên giới, nghiệp vụ công tác đối ngoại biên phòng cho cán bộ các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ đội Biên phòng để thực hiện công tác đối ngoại và xử lý những vụ việc liên quan đến hai bên biên giới và người nước ngoài ở địa bàn khu vực biên giới, cửa khẩu.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Ký kết các thoả thuận, biên bản ghi nhớ với chính quyền địa phương nước láng giềng về những vấn đề liên quan đến hai bên biên giới thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và phân cấp của Chính phủ;

b) Thực hiện công tác đối ngoại biên phòng với chính quyền địa phương nước láng giềng theo quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế về biên giới mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; chỉ đạo, hướng dẫn các Ban, ngành liên quan, chính quyền cấp dưới phối hợp với Bộ đội Biên phòng thực hiện hoạt động đối ngoại biên phòng theo chương trình, kế hoạch;



c) Nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá tình hình công tác quản lý biên giới, công tác đối ngoại biên phòng và phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về biên giới quốc gia và các hoạt động liên quan đến công tác đối ngoại biên phòng theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;

d) Tham gia các đoàn đàm phán của Chính phủ, Bộ, ngành liên quan theo kế hoạch, chỉ đạo của trên;

đ) Mời hoặc thăm xã giao theo lời mời; tổ chức đón tiếp các đoàn của chính quyền địa phương, lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng đến làm việc, thăm xã giao chúc mừng nhân dịp ngày lễ, tết hoặc chia buồn khi có quốc tang, thiên tai, hoả hoạn và các hoạt động khác theo kế hoạch, chỉ đạo của trên.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm

a) Liên hệ nghiệp vụ với chính quyền cấp huyện nước láng giềng để trao đổi tình hình, giải quyết những vấn đề liên quan đến dân sự, an ninh, trật tự xảy ra ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Trao đổi, thống nhất với chính quyền cấp huyện nước láng giềng khi xây dựng những công trình thủy lợi nhỏ trên sông, suối, kênh, rạch biên giới phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trong khu vực biên giới;

c) Tham gia các đoàn đàm phán theo kế hoạch, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Mời hoặc thăm xã giao theo lời mời; tổ chức đón tiếp các đoàn của chính quyền địa phương, lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng đến làm việc, thăm xã giao chúc mừng nhân dịp ngày lễ, tết hoặc chia buồn khi có quốc tang, thiên tai, hoả hoạn và các hoạt động khác theo kế hoạch, chỉ đạo của trên.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Tham gia cùng các đoàn của Đoàn Biên phòng theo kế hoạch, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Tham gia các hoạt động đối ngoại biên phòng khác theo chỉ đạo của trên.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ đội Biên phòng

1. Tham mưu cho Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia, các chủ trương, chính sách về hoạt động đối ngoại biên phòng và tổ chức thực hiện đối ngoại biên phòng theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, hướng dẫn của Bộ Ngoại giao để quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị.

2. Tham gia các đoàn của Nhà nước, các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đàm phán, trao đổi giải quyết các vấn đề liên quan đến thực hiện Hiệp ước, Hiệp định về biên giới, Thoả thuận hợp tác biên phòng theo thẩm quyền để bảo vệ chủ quyền quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng thực hiện tuần tra, kiểm soát, quản lý, bảo vệ đường biên giới, mốc quốc giới; phối hợp đấu tranh chống tội phạm, ngăn chặn các hoạt động khủng bố, vượt biên, buôn bán vận chuyển các chất ma túy, buôn lậu, buôn bán người qua biên giới, rửa tiền, truy bắt tội phạm, cứu hộ, cứu nạn và tuyên truyền đối ngoại xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị.

4. Thực hiện trao đổi tình hình liên quan định kỳ hoặc đột xuất với lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng để:

a) Thông báo, trao đổi tình hình thực hiện Hiệp định về Quy chế biên giới, Thoả thuận hợp tác biên phòng; tình hình vi phạm chủ quyền lãnh thổ; công tác phối hợp đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu liên quan đến hai bên biên giới;

b) Tiếp nhận và trao trả người, tang vật, phương tiện vi phạm Hiệp định về Quy chế biên giới;

c) Gửi thư phản kháng các hành vi vi phạm Hiệp định về Quy chế biên giới và các Thoả thuận đã ký kết;

d) Thông báo việc hạn chế hoặc tạm dừng qua lại biên giới theo quy định của pháp luật.

5. Mời hoặc thăm xã giao theo lời mời; tổ chức đón tiếp lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng đến làm việc, thăm xã giao chúc mừng nhân dịp ngày lễ, tết hoặc chia buồn khi có quốc tang, thiên tai, hoả hoạn và các hoạt động khác theo kế hoạch, chỉ đạo của trên.

6. Tổ chức sơ, tổng kết thực hiện công tác đối ngoại biên phòng.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đối ngoại biên phòng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp; Bộ đội Biên phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động đối ngoại biên phòng.

Điều 16. Trách nhiệm phối hợp thực hiện

1. Các cơ quan thực hiện hoạt động đối ngoại biên phòng căn cứ kế hoạch công tác đối ngoại biên phòng hàng năm hoặc kế hoạch đột xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động đối ngoại biên phòng để phối hợp, thống nhất về nội dung, phương pháp tổ chức thực hiện.

2. Trưởng đoàn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động đối ngoại đã được phê duyệt. Các thành viên trong đoàn có trách nhiệm tham mưu cho Trưởng đoàn về những nội dung liên quan đến từng lĩnh vực chuyên ngành để thống nhất nội dung, phương pháp làm việc, tránh sơ hở trong tiếp xúc đối ngoại.

3. Trong quan hệ tiếp xúc Trưởng đoàn có trách nhiệm:

a) Quản lý, điều hành mọi hoạt động của đoàn trong tiếp xúc đối ngoại về phát ngôn, lễ tiết tác phong, công tác bảo vệ nội bộ, bảo mật và thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo quy định;

b) Là người phát ngôn trong quá trình hội đàm; ý kiến tham gia của thành viên trong đoàn phải tập trung thống nhất qua Trưởng đoàn; thành viên chỉ được phát biểu để làm rõ thêm vấn đề đang trao đổi sau khi được sự đồng ý của Trưởng đoàn;

c) Trong quá trình làm việc có vấn đề phát sinh ngoài phạm vi nội dung đã thông báo cho Bên hoặc vượt quá thẩm quyền thì Trưởng đoàn ghi nhận, báo cáo cấp có thẩm quyền xin ý kiến chỉ đạo;

d) Kết thúc tiếp xúc đối ngoại, Trưởng đoàn phải báo cáo cấp có thẩm quyền về kết quả hội đàm, trao đổi với Bên, những nội dung cần kiến nghị, đề xuất và hoàn chỉnh hồ sơ lưu giữ theo quy định.

Chương IV ĐẢM BẢO NGÂN SÁCH

Điều 17. Nguồn ngân sách bảo đảm

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động đối ngoại biên phòng.
2. Ngân sách khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Cơ chế bảo đảm ngân sách

1. Ngân sách bảo đảm cho hoạt động đối ngoại biên phòng của các Bộ, ngành được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

2. Ngân sách bảo đảm cho hoạt động đối ngoại biên phòng của các địa phương được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

3. Ngân sách bảo đảm cho hoạt động đối ngoại biên phòng của Bộ đội Biên phòng giao Bộ Quốc phòng bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

4. Hàng năm các Bộ, ngành, địa phương lập dự toán ngân sách bảo đảm cho hoạt động đối ngoại biên phòng, tổng hợp vào dự toán ngân sách chung, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 19. Nội dung chi hoạt động đối ngoại biên phòng

1. Nội dung chi:

- a) Chi tiếp đoàn ra, đoàn vào làm việc theo kế hoạch đối ngoại biên phòng;
- b) Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện phục vụ hoạt động đối ngoại biên phòng;
- c) Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- d) Tặng phẩm;
- đ) Đào tạo, tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành;
- e) Công tác xây dựng hồ sơ lưu trữ;
- g) Các hoạt động đối ngoại liên quan khác.

2. Mức chi cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng ngân sách theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2009.

Điều 21. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

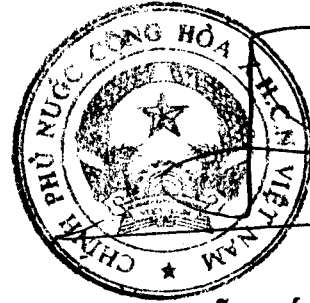
2. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Quốc phòng quy định cụ thể về kinh phí đầu tư xây dựng, chế độ, tiêu chuẩn đảm bảo cho hoạt động đối ngoại biên phòng đối với Bộ đội Biên phòng.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b). A. 190

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng